

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Hà Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lý Văn T (Lý Hồng T); Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021, chị Trịnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lý Văn T (Lý Hồng T) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không thông cảm cho nhau trong công việc và kinh tế gia đình. Chính vì vậy mà thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Thời gian càng kéo dài thì càng cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lý Hải L, sinh ngày 04/6/2014. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị được giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Tại bản tự khai ngày 18/11/2021, anh Lý Văn T (Lý Hồng T) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận bình thường nhưng đến đầu năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và khó khăn về kinh tế nhưng hai bên không thông cảm và thấu hiểu cho nhau. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Nay chị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức ly hôn nên đề nghị được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lý Hải L, sinh ngày 04/6/2014. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 24/11/2021, anh T trình bày:

Về hôn nhân: Mặc dù anh đã cố gắng níu kéo tình cảm nhưng chị H vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung và về tài sản, anh vẫn giữ nguyên như trong bản tự khai ngày 18/11/2021.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H và anh Lý Văn T (Lý Hồng T) được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Lý Hải L, sinh ngày 04/6/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên

nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Trịnh Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[5]. Về việc sai lệch tên lót của anh T: Theo Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu là Lý Văn T còn trong giấy chứng nhận kết hôn là Lý Hồng T. Đây là do nhầm lẫn trong quá trình kê khai đăng ký kết hôn, việc này đã được UBND xã T xác nhận Lý Văn T và Lý Hồng T là cùng một người.

[6]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Lý Văn T (Lý Hồng T) kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/9/2013 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện tại, chị H và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị H và anh T đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị H và anh T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trịnh Thị H và anh Lý Văn T được ly hôn.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung. Ly hôn, cả chị H và anh T đều yêu cầu giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân cháu L cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh T. Giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

[8]. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H và anh Lý Văn T (Lý Hồng T) được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Hải L, sinh ngày 04/6/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0007485, ngày 11/11/2021, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Trịnh Thị H và anh Lý Văn T (Lý Hồng T). Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc